

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Khóa học: 2015-2019
Hình thức đào tạo: Chính quy
Quyết định tốt nghiệp số 647/QĐ-TN, ngày 26 tháng 07 năm 2019

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Giang	20/11/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011357	001		
2	Bùi Thị Hà	25/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011358	002		
3	Hồ Thị Hải	28/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011359	003		
4	Đậu Thị Thu Hằng	17/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011360	004		
5	Đoàn Thị Hằng	21/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011361	005		
6	Nguyễn Thị Hằng	19/05/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011362	006		
7	Nguyễn Duy Hiệp	13/11/1995	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011363	007		
8	Đặng Thị Hoa	22/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011364	008		
9	Lê Thị Hoa	10/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011365	009		
10	Trần Thị Hồng	10/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011366	010		
11	Nguyễn Đức Lương	26/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011367	011		
12	Ngô Thị Nga	27/09/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011368	012		
13	Đậu Thị Ngọc	23/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011369	013		
14	Phạm Thị Nhi	02/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011370	014		
15	Nông Thị Hồng Nhung	18/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011371	015		
16	Phạm Thị Phương	12/04/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011372	016		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
17	Dương Thị Lệ Quyên	02/01/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011373	017		
18	Nguyễn Thị Thương	16/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011374	018		
19	Dương Thị Thúy	01/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011375	019		
20	Đặng Thị Thùy	24/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011376	020		
21	Lê Thị Thủy	10/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011377	021		
22	Trần Thị Trà	02/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011378	022		
23	Nguyễn Thị Thanh Trà	08/10/1986	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011379	023		
24	Phùng Thị Huyền Trang	21/09/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011380	024		
25	Đặng Thị Trang	20/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011381	025		
26	Nguyễn Thị Trang	19/09/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011382	026		
27	Nguyễn Trung Trực	17/11/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011383	027		
28	Nguyễn Thị Minh Tú	15/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011384	028		
29	Phạm Thị Thu Uyên	23/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011385	029		
30	Nguyễn Thị Thảo Vân	13/03/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011386	030		
31	Nguyễn Thị Thành Vinh	24/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011387	031		
32	Vừ Bá Vua	02/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011388	032		
33	Nguyễn Thị Yến	18/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011389	033		
34	Nguyễn Thị Tú Anh	30/07/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011390	034		
35	Thái Thị Phương Anh	14/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011391	035		
36	Nguyễn Thị Bích	03/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011392	036		
37	Nguyễn Thị Thanh Bình	08/08/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011393	037		
38	Nguyễn Danh Đông	04/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011394	038		
39	Hoàng Mỹ Đức	10/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011395	039		
40	Lê Thị Thùy Dung	25/05/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011396	040		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
41	Nguyễn Thị Hằng	08/08/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011397	041		
42	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011398	042		
43	Trần Thảo Hạnh	06/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011399	043		
44	Nguyễn Thị Hiền	01/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011400	044		
45	Nguyễn Thị Hòa	05/02/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011401	045		
46	Lê Thị Hoài	03/04/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011402	046		
47	Nguyễn Thị Hường	05/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011403	047		
48	Đặng Thị Huyền	02/11/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011404	048		
49	Phạm Thị Huyền	02/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011405	049		
50	Phan Thị Ly	26/11/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011406	050		
51	Phạm Ngọc Mai	29/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011407	051		
52	Nguyễn Thị Lê Na	17/11/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011408	052		
53	Phùng Thị Lê Na	11/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011409	053		
54	Lê Thị Nga	28/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011410	054		
55	Ngô Thị Ngân	23/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011411	055		
56	Nguyễn Thị Nguyệt	13/07/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011412	056		
57	Nguyễn Thị Hà Phương	22/07/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011413	057		
58	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	01/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011414	058		
59	Nguyễn Thị Thanh Tâm	10/08/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011415	059		
60	Hoàng Thị Tâm	17/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011416	060		
61	Lê Thị Hồng Thắm	10/10/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011417	061		
62	Nguyễn Thị Thường	24/10/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011418	062		
63	Đậu Thị Thùy	27/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011419	063		
64	Hoàng Thị Trang	03/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011420	064		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
65	Hồ Thị Trang	18/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011421	065		
66	Phạm Thị Vân	26/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011422	066		
67	Nguyễn Thị Yên	10/02/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011423	067		
68	Đặng Thị Anh	20/12/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011424	068		
69	Hoàng Văn Bình	04/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011425	069		
70	Võ Thị Thanh Bình	15/08/1997	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011426	070		
71	Võ Quốc Đạt	04/11/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011427	071		
72	Tôn Thị Vũ Diệp	25/05/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011428	072		
73	Nguyễn Thùy Dung	25/09/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011429	073		
74	Vũ Thị Dung	25/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011430	074		
75	Đinh Thị Duyên	05/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011431	075		
76	Trần Thị Hiền	27/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011432	076		
77	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	01/10/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011433	077		
78	Phạm Thị Phương Hoa	20/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011434	078		
79	Phạm Thị Hời	18/08/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	XS	011435	079		
80	Trần Thị Hồng	09/05/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	XS	011436	080		
81	Hồ Thị Huyền	28/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011437	081		
82	Trương Thị Khánh Huyền	20/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011438	082		
83	Nguyễn Thị Huyền	04/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011439	083		
84	Lê Thị Thùy Linh	13/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011440	084		
85	Ngô Thị Mỹ Linh	13/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011441	085		
86	Nguyễn Thị Linh	01/06/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011442	086		
87	Hoàng Thị Minh Lý	04/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011443	087		
88	Nguyễn Thị Lý	15/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011444	088		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
89	Nguyễn Thị Nga	15/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	XS	011445	089		
90	Nguyễn Thị Phương Nga	16/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011446	090		
91	Trịnh Thúy Nga	19/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011447	091		
92	Nguyễn Thị Ngọc	21/05/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011448	092		
93	Lê Thị Vân Oanh	18/04/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011449	093		
94	Nguyễn Thị Oanh	15/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011450	094		
95	Dương Thị Oanh	08/07/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011451	095		
96	Trịnh Thị Phương	05/05/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011452	096		
97	Lê Thị Quỳnh	05/07/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011453	097		
98	Nguyễn Thị Thanh Tâm	05/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011454	098		
99	Trần Thị Tâm	25/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011455	099		
100	Nguyễn Thị Thành	22/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011456	100		
101	Đinh Thị Thảo	05/03/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011457	101		
102	Hoàng Thị Thúy	19/05/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011458	102		
103	Phan Thị Thủy	18/08/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011459	103		
104	Nguyễn Thị Thủy	09/07/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011460	104		
105	Nguyễn Thị Tình	16/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011461	105		
106	Phạm Thị Trâm	09/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011462	106		
107	Nguyễn Thị Mỹ Trang	16/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011463	107		
108	Phạm Vũ Ánh Tuyết	18/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011464	108		
109	Phạm Thị Yến	30/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011465	109		
110	Hoàng Trần Ngọc Anh	25/10/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011566	110		
111	Nguyễn Thị Bích	10/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011467	111		
112	Nguyễn Thị Chuyên	18/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011468	112		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
113	Nguyễn Linh Đan	26/03/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011469	113		
114	Đinh Thị Thùy Dương	04/11/1997	Tỉnh Quảng Trị	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011470	114		
115	Hồ Thị Thanh Hà	03/09/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011471	115		
116	Nguyễn Thị Thu Hằng	08/08/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011472	116		
117	Bùi Thị Mỹ Hạnh	17/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011473	117		
118	Phạm Thị Hảo	14/02/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011474	118		
119	Nguyễn Thị Hiệp	15/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011475	119		
120	Nguyễn Thị Hoài	22/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011476	120		
121	Hoàng Thị Hồng	14/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011477	121		
122	Nguyễn Thị Hồng	10/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011478	122		
123	Trần Thị Lại	04/05/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011479	123		
124	Bùi Thị Thùy Linh	26/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011480	124		
125	Nguyễn Thị Linh	11/10/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011481	125		
126	Nguyễn Thị Long	10/04/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011482	126		
127	Đậu Thị Thanh Nga	11/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011483	127		
128	Lương Thị Nhân	01/03/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011484	128		
129	Bùi Thị Tuyết Nhung	21/05/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011485	129		
130	Nguyễn Thị Kim Oanh	28/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011486	130		
131	Trần Thị Lan Phương	19/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011487	131		
132	Hoàng Vũ Hồng Quân	01/02/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011488	132		
133	Trần Quang Quyết	19/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011489	133		
134	Cao Thị Như Quỳnh	27/07/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011490	134		
135	Phan Thanh Thành	09/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011491	135		
136	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011492	136		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
137	Nguyễn Hà Trâm	08/10/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011493	137		
138	Phan Thị Hồng Trang	26/11/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011494	138		
139	Trần Thị Minh Trang	09/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011495	139		
140	Hoàng Thị Tố Uyên	18/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011496	140		
141	Nguyễn Thị Thu Uyên	04/01/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011497	141		
142	Nguyễn Thị Chiêu Xuân	18/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011498	142		
143	Đinh Thị Yến	03/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011499	143		
144	Lê Thị Tú Anh	22/03/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011500	144		
145	Nguyễn Thị Anh	02/09/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011501	145		
146	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	25/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011502	146		
147	Phan Thị Tú Anh	13/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011503	147		
148	Phạm Minh Ánh	15/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011504	148		
149	Võ Chí Cường	13/07/1995	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011505	149		
150	Phan Thị Diệp	11/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011506	150		
151	Nguyễn Thị Dung	10/03/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011507	151		
152	Nguyễn Thị Duyên	09/09/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011508	152		
153	Phan Thị Hà	04/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011509	153		
154	Nguyễn Thị Hằng	23/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011510	154		
155	Phạm Thị Hằng	18/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011511	155		
156	Lương Thị Bích Hoa	19/09/1991	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	XS	011512	156		
157	Lê Thị Hoa	10/01/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011513	157		
158	Phạm Thị Khánh Hòa	28/05/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011514	158		
159	Nguyễn Thị Hoài	29/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011515	159		
160	Nguyễn Thị Hoài	05/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011516	160		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
161	Hoàng Thị Hoài Linh	15/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011517	161		
162	Nguyễn Thái Cẩm Linh	16/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011518	162		
163	Đinh Thị Miên	20/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011519	163		
164	Nguyễn Thị Mỹ	08/07/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011520	164		
165	Nguyễn Thị Thúy Nga	11/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011521	165		
166	Nguyễn Thị Ngọc Như	17/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011522	166		
167	Hồ Thị Phương	28/05/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011523	167		
168	Phan Thị Quyên	20/11/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011524	168		
169	Trần Thị Sen	13/04/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011525	169		
170	Lê Thị Thắm	21/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011526	170		
171	Đặng Thị Thu	14/05/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011527	171		
172	Lưu Thị Trà	15/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011528	172		
173	Đặng Thị Kiều Trang	26/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011529	173		
174	Phan Thị Thu Trang	08/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011530	174		
175	Cao Hoàng Yến	07/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011531	175		
176	Nguyễn Thị Thúy An	27/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011532	176		
177	Võ Quý Cường	10/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011533	177		
178	Hoàng Thị Thùy Dương	22/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011534	178		
179	Đinh Phương Mỹ Duyên	13/08/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011535	179		
180	Lê Thị Mỹ Hạnh	06/06/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011536	180		
181	Bùi Thị Hóa	06/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011537	181		
182	Nguyễn Phi Hùng	02/09/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011538	182		
183	Nguyễn Thị Huyền	17/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011539	183		
184	Hoàng Thị Khánh Huyền	11/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011540	184		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
185	Phan Thị Lành	06/04/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011652	185		
186	Phạm Thị Nhật Lệ	12/10/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011542	186		
187	Nguyễn Khánh Linh	27/05/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011543	187		
188	Trần Thùy Linh	13/07/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011544	188		
189	Phan Thị Quỳnh Mai	11/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011545	189		
190	Trương Thị Cẩm Mỹ	21/04/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011546	190		
191	Trần Lê Na	01/03/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011547	191		
192	Trần Thị Nam	17/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011548	192		
193	Nguyễn Thị Thúy Nga	28/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011549	193		
194	Nguyễn Thị Nghia	08/09/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011550	194		
195	Nguyễn Thị Nhi	15/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011551	195		
196	Cao Thị Phương	11/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011552	196		
197	Nguyễn Thị Hồng Thắm	30/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011553	197		
198	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011554	198		
199	Trần Thị Phương Thảo	23/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011555	199		
200	Hồ Thị Thơm	22/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011556	200		
201	Phan Thị Thơm	10/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011557	201		
202	Trần Thị Thơm	17/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011558	202		
203	Thái Hoài Thương	04/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011559	203		
204	Hồ Thị Phương Thuý	15/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011560	204		
205	Ngô Thị Thủy	10/02/1995	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011561	205		
206	Nguyễn Thùy Tiên	23/03/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011562	206		
207	Cao Thị Thu Trà	23/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011563	207		
208	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	30/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011564	208		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
209	Lê Huyền Trang	17/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011565	209		
210	Nghiêm Thị Quỳnh Trang	10/01/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011566	210		
211	Nguyễn Thị Trang	02/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011567	211		
212	Nguyễn Thị Linh Trang	18/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011568	212		
213	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/11/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011569	213		
214	Nguyễn Thị Tuyết	02/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011570	214		
215	Lê Thị Thành Vinh	26/02/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011571	215		
216	Nguyễn Phi Yến	20/03/1994	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011572	216		
217	Hồ Thị An	26/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011573	217		
218	Thái Thị Thảo Anh	07/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011574	218		
219	Nguyễn Danh Đức	02/09/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011575	219		
220	Phạm Thị Thùy Dương	27/09/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011576	220		
221	Đậu Thị Hà	28/08/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011577	221		
222	Đặng Thị Hiền	03/02/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011578	222		
223	Nguyễn Thị Hiền	09/05/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	XS	011579	223		
224	Trần Thị Hiền	21/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011580	224		
225	Nguyễn Thị Hoài	10/10/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011581	225		
226	Đặng Thanh Hoàng	10/10/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011582	226		
227	Lê Thị Huệ	14/05/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011583	227		
228	Trần Thị Hường	04/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011584	228		
229	Nguyễn Thị Huyền	25/08/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Giỏi	011585	229		
230	Võ Thị Thùy Linh	04/02/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011586	230		
231	Trần Thị Mỹ Linh	10/03/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011587	231		
232	Phan Thị Loan	23/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011588	232		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
233	Hồ Thị Loan	04/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011589	233		
234	Nguyễn Thị Hiền Lương	16/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011590	234		
235	Cao Thị Lương	09/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011591	235		
236	Nguyễn Thị Trà My	02/05/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011592	236		
237	Trần Thị Thảo My	15/09/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011593	237		
238	Thái Thị Thanh Nhài	23/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011594	238		
239	Võ Thị Kim Oanh	24/10/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011595	239		
240	Lê Thị Phụng	02/11/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011596	240		
241	Hoàng Thị Quỳnh	27/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011597	241		
242	Hoàng Hương Quỳnh	18/12/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011598	242		
243	Trần Thị Thảo	07/10/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011599	243		
244	Nguyễn Thị Thoa	01/11/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011600	244		
245	Nguyễn Thị Hoài Thu	02/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011601	245		
246	Trần Thị Minh Thúy	10/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011602	246		
247	Nguyễn Thị Trâm	10/09/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	Khá	011603	247		
248	Võ Thị Ánh Xuân	07/04/1997	Tỉnh Quảng Bình	Nữ	Kinh	V-N	Kế toán	2019	TB	011604	248		
249	Cao Thị Ngọc Bích	03/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011605	249		
250	Và Bá Công	03/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	TB	011606	250		
251	Hà Thị Giang	05/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	TB	011607	251		
252	Trần Thị Thu Hiền	01/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	XS	011608	252		
253	Võ Thị Hiền	28/06/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Giỏi	011609	253		
254	Nguyễn Thị Hoa	29/11/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Giỏi	011610	254		
255	Nguyễn Hữu Hùng	05/04/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011611	255		
256	Lê Thị Ngọc Lan	24/03/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011612	256		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
257	Nguyễn Phương Linh	25/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011613	257		
258	Phan Anh Nguyên	10/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	TB	011614	258		
259	Mai Thị Trang Nhung	24/07/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011615	259		
260	Phouma Phetsouthavong	23/06/1996	Tỉnh Bolykhamxay	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011616	260		
261	Trần Xuân Phong	08/04/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	TB	011617	261		
262	Lê Hoàng Phương	23/11/1984	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011618	262		
263	Phan Trọng Sơn	01/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	TB	011619	263		
264	Nguyễn Thục Trinh	09/07/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011620	264		
265	Lê Vĩnh Tuyên	22/07/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	Khá	011621	265		
266	Budsady Xaiyalart	24/07/1996	Tỉnh Bolykhamxay	Nữ	Kinh	V-N	Kinh tế	2019	TB	011622	266		
267	Nguyễn Đức Anh	20/02/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011624	268		
268	Trần Thị Dung	16/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011628	272		
269	Nguyễn Thị Hà	02/06/1997	Tỉnh Quảng Bình	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011629	273		
270	Nguyễn Thị Phương Hoa	26/11/1996	Tp Hà Nội Mới	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011631	275		
271	Hồ Thị Thu Hương	18/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011633	277		
272	Trần Thị Thanh Huyền	05/09/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	VN	Kế toán	2019	TB	011653	315		
273	Nguyễn Thị Mai	02/02/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	VN	Kế toán	2019	TB	011654	316		
274	Đặng Đình Trung	02/02/1991	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	VN	QTKD	2019	TB	011655	317		
275	Đào Thị Linh	09/04/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011635	279		
276	Nguyễn Viết Lộc	03/10/1995	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011636	280		
277	Nguyễn Thị Ly	20/05/1997	Tỉnh Quảng Trị	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011637	281		
278	Nguyễn Thị Quyên	22/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011638	282		
279	Lê Tiến Thắng	24/05/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011639	283		
280	Nguyễn Thị Thơm	17/09/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011640	284		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
281	Trần Thị Thương Thương	26/08/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011641	285		
282	Lê Thị Diệu Thúy	18/04/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011642	286		
283	Hoàng Thị Ngọc Thùy	21/05/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011643	287		
284	Phạm Thị Tình	24/06/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011644	288		
285	Nguyễn Hữu Toàn	08/04/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	XS	011645	289		
286	Trần Thị Việt Trinh	15/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011646	290		
287	Phạm Ngọc Trường	24/01/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011647	291		
288	Nguyễn Anh Tuấn	18/01/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011648	292		
289	Trịnh Quang Tuấn	22/01/1997	Tỉnh Thanh Hóa	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011649	293		
290	Đinh Anh Tuấn	09/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011650	294		
291	Nguyễn Thị Hà Vy	29/07/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011651	295		
292	Nguyễn Hải Quân	15/11/1996	Tỉnh Xiengkhouang	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100291	307		
293	Phan Xuân Thuận	20/02/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100288	312		
294	Phùng Thị Trâm	07/10/1997	Tỉnh Thanh Hóa	Nữ	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100289	313		
295	Mai Thị Xoan	11/11/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Giỏi	100290	314		
296	Võ Việt Anh	19/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011623	267		
297	Nguyễn Thị Ánh	16/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	Khá	011625	269		
298	Nguyễn Thị Châu	29/04/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011626	270		
299	Đậu Thị Dung	07/10/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011627	271		
300	Nguyễn Thị Hiếu	20/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011630	274		
301	Lê Nguyễn Ngọc Hùng	22/07/1994	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011632	276		
302	Đặng Thị Huyền	10/03/1997	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QTKD	2019	TB	011634	278		
303	Nguyễn Văn Bính	15/09/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100272	296		
304	Viang Phone Chuepocha	10/11/1994	Tỉnh Houaphanh	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100273	297		

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành ĐT	Năm TN	Loại TN	Số HB	Số vào SG	Người nhận ký nhận	Ghi chú
305	Nguyễn Trọng Chuẩn	16/08/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100274	298		
306	Trần Thị Hà	28/12/1996	Tỉnh Nghệ An	Nữ	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100275	299		
307	Nguyễn Thị Hoàn	14/03/1996	Tỉnh Quảng Bình	Nữ	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Giỏi	100276	300		
308	Souphaphone Lattanakhaisy	10/12/1995	Tỉnh Savannakhet	Nữ	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100277	301		
309	Trần Xuân Lộc	12/03/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100278	302		
310	Lê Phương Nam	14/06/1996	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100279	303		
311	Noy Noymany	01/01/1994	Tỉnh Xiengkhouang	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	TB	100280	304		
312	Hồ Khánh Phi	11/07/1993	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	TB	100281	305		
313	Trần Hồng Quân	23/01/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Giỏi	100282	306		
314	Hoàng Công Quý	12/12/1993	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	Khá	100284	308		
315	Chitta Soukhaserm	31/05/1996	Tỉnh Houaphanh	Nữ	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	TB	100285	309		
316	Và Bá Sò	30/10/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	TB	100286	310		
317	Chế Đình Thái	13/03/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	Nam	Kinh	V-N	QLĐĐ	2019	TB	100287	311		

Nghệ An, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG